

## NGHỊ QUYẾT CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠT PHƯƠNG

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật doanh nghiệp;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Đạt Phương;

Căn cứ biên bản họp Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Đạt Phương số: 15/BB-ĐP-HĐQT ngày 15/4 /2020.

### QUYẾT NGHỊ:

**Điều 1.** Thông qua chương trình Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2020.

**Điều 2.** Thông qua báo cáo của Hội đồng quản trị (HĐQT) về quản trị và Kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị năm 2019 trình ĐHCĐ phê duyệt.

**Điều 3.** Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020 trình ĐHCĐ phê duyệt:

#### **3.1. Kế hoạch kinh doanh Công ty mẹ:**

|                         |   |               |
|-------------------------|---|---------------|
| 1. Doanh thu thuần      | : | 1.407 tỷ đồng |
| 2. Lợi nhuận trước thuế | : | 76 tỷ đồng    |
| 3. Lợi nhuận sau thuế   | : | 61 tỷ đồng    |
| 4. Dự kiến cổ tức       | : | 10 %          |

#### **3.2. Kế hoạch kinh doanh Hợp nhất:**

|                                      |   |               |
|--------------------------------------|---|---------------|
| 1. Doanh thu thuần                   | : | 2.382 tỷ đồng |
| 2. Lợi nhuận trước thuế              | : | 285 tỷ đồng   |
| 4. Lợi nhuận sau thuế                | : | 229 tỷ đồng   |
| 5. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ | : | 194 tỷ đồng   |

**Điều 4.** Thông qua báo cáo tài chính năm 2019 đã được kiểm toán trình ĐHCĐ phê duyệt:

#### 4.1. Báo cáo tài chính năm 2019 Công ty mẹ:

|                           |                            |             |
|---------------------------|----------------------------|-------------|
| <b>I. Tổng tài sản:</b>   | <b>: 2.251.045.636.147</b> | <b>đồng</b> |
| 1. Tài sản ngắn hạn       | : 1.536.313.305.354        | đồng        |
| 2. Tài sản dài hạn        | : 714.732.330.793          | đồng        |
| <b>II. Tổng nguồn vốn</b> | <b>: 2.251.045.636.147</b> | <b>đồng</b> |
| 1. Nợ phải trả            | : 1.386.045.612.217        | đồng        |
| 2. Vốn chủ sở hữu         | : 865.000.023.930          | đồng        |

#### 4.2. Báo cáo tài chính năm 2019 Hợp nhất:

|                                       |                            |             |
|---------------------------------------|----------------------------|-------------|
| <b>I. Tổng tài sản:</b>               | <b>: 5.084.249.063.654</b> | <b>đồng</b> |
| 1. Tài sản ngắn hạn                   | : 2.199.501.706.345        | đồng        |
| 2. Tài sản dài hạn                    | : 2.884.747.357.309        | đồng        |
| <b>II. Tổng nguồn vốn</b>             | <b>: 5.084.249.063.654</b> | <b>đồng</b> |
| <b>1. Nợ phải trả</b>                 | <b>: 3.847.581.872.014</b> | <b>đồng</b> |
| <b>2. Vốn chủ sở hữu, trong đó:</b>   | <b>: 1.236.667.191.640</b> | <b>đồng</b> |
| - Vốn góp của chủ sở hữu              | : 449.998.100.000          | đồng        |
| - Thặng dư cổ phần                    | : 49.341.290.000           | đồng        |
| - Quỹ đầu tư phát triển               | : 46.985.564.994           | đồng        |
| - Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu       | : 500.000.000              | đồng        |
| - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối   | : 349.211.817.393          | đồng        |
| - Lợi ích của cổ đông không kiểm soát | : 340.630.419.253          | đồng        |

**Điều 5.** Thông qua phương án phân chia lợi nhuận năm 2019 trình ĐHĐCĐ phê duyệt:

|   |                          |             |
|---|--------------------------|-------------|
| <b>1. Lợi nhuận sau thuế Công ty mẹ</b>     | <b>: 151.158.731.834</b> | <b>đồng</b> |
| 2. Trích quỹ phúc lợi (0% LNST)             | :                        | 0 đồng      |
| 3. Trích quỹ khen thưởng (3% LNST)          | : 4.534.761.955          | đồng        |
| 4. Trích lập quỹ Đầu tư phát triển (0%LNST) | :                        | 0 đồng      |
| <b>5. Lợi nhuận còn lại năm 2019</b>        | <b>: 146.623.969.879</b> | <b>đồng</b> |

**\* Đề xuất phương án phân chia lợi nhuận 2019 như sau:**

a) Chia cổ tức cho cổ đông năm 2019 bằng tiền mặt với tỷ lệ 10% mệnh giá, tương đương với số tiền **44.999.810.000 đồng**.

b) Lợi nhuận để lại tái đầu tư: **101.624.159.879 đồng**.

\* Ủy quyền cho HĐQT triển khai chi tiết việc chi trả cổ tức.

**Điều 6.** Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty trình ĐHĐCĐ phê duyệt:

| <b>Nội dung hiện tại</b>   | <b>Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung</b>   |
|--|--|
| <p><b>Điều 20. Điều kiện thanh toán và xử lý các cổ phần được mua lại</b></p> <p>1. Công ty chỉ được quyền thanh toán cổ phần được mua lại cho cổ đông theo quy định tại Điều 18 và Điều 19 của Điều lệ này nếu ngay sau khi thanh toán hết số cổ phần được mua lại, Công ty vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác.</p> <p>Cổ phần được mua lại theo quy định tại Điều 18 và Điều 19 của Điều lệ này được coi là cổ phần thu về và thuộc số cổ phần được quyền chào bán.</p> <p>2. Cổ phiếu xác nhận quyền sở hữu cổ phần đã được mua lại phải được tiêu huỷ ngay sau khi cổ phần tương ứng đã được thanh toán đủ. Chủ tịch Hội đồng quản trị và Giám đốc hoặc Tổng giám đốc phải liên đới chịu trách nhiệm về thiệt hại do không tiêu huỷ hoặc chậm tiêu huỷ cổ phiếu gây ra đối với Công ty.</p> <p>3. Sau khi thanh toán hết số cổ phần mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của công ty giảm hơn 10% thì Công ty phải thông báo cho tất cả các chủ nợ biết trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày thanh toán hết số cổ phần mua lại.</p> <p>4. Công ty phải làm thủ tục điều chỉnh giảm vốn điều lệ tương ứng với tổng giá trị mệnh giá các cổ phần được công ty mua lại trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán mua lại cổ phần.</p> | <p><b>Điều 20. Điều kiện thanh toán và xử lý các cổ phần được mua lại</b></p> <p>1. Công ty chỉ được quyền thanh toán cổ phần được mua lại cho cổ đông theo quy định tại Điều 18 và Điều 19 của Điều lệ này nếu ngay sau khi thanh toán hết số cổ phần được mua lại, Công ty vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác.</p> <p>Cổ phần được mua lại theo quy định tại Điều 18 và Điều 19 của Điều lệ này được coi là cổ phần thu về và thuộc số cổ phần được quyền chào bán. Hội đồng Quản trị thực hiện quản lý, chào bán cổ phiếu quỹ theo những cách thức phù hợp với quy định của Điều lệ này, Luật chứng khoán và các văn bản hướng dẫn liên quan.</p> <p>2. Trong các trường hợp luật định, Công ty phải làm thủ tục điều chỉnh giảm vốn điều lệ tương ứng với tổng giá trị tính theo mệnh giá số cổ phiếu được công ty mua lại trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán mua lại cổ phiếu.</p> <p>Cổ phiếu xác nhận quyền sở hữu cổ phần đã được mua lại phải được tiêu huỷ ngay sau khi cổ phần tương ứng đã được thanh toán đủ. Chủ tịch Hội đồng quản trị và Giám đốc hoặc Tổng giám đốc phải liên đới chịu trách nhiệm về thiệt hại do không tiêu huỷ hoặc chậm tiêu huỷ cổ phiếu gây ra đối với Công ty.</p> <p>3. Sau khi thanh toán hết số cổ phần mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của công ty giảm hơn 10% thì Công ty phải thông báo cho tất cả các</p> |

127

NG  
PHÁ  
PHỤ

ÊM

| Nội dung hiện tại  | Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung   |
|--|---|
|  | chủ nợ biết trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày thanh toán hết số cổ phần mua lại.   |
| <p><b>Điều 21. Trả cổ tức</b></p> <p>3. Hội đồng quản trị phải lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức được trả đối với từng cổ phần, thời hạn và hình thức trả chậm nhất ba mươi ngày trước mỗi lần trả cổ tức.</p> <p>Thông báo về trả cổ tức phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký tất cả cổ đông chậm nhất mười lăm ngày trước khi thực hiện trả cổ tức. Thông báo phải ghi rõ tên Công ty; họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc mã số doanh nghiệp của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại của cổ đông; mức cổ tức đối với từng cổ phần và tổng số cổ tức mà cổ đông đó được nhận, thời điểm và phương thức trả cổ tức; họ, tên, chữ ký của Chủ tịch hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty.</p> | <p><b>Điều 21. Trả cổ tức</b></p> <p>3. Hội đồng quản trị phải lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức được trả đối với từng cổ phần, thời hạn và hình thức trả chậm nhất ba mươi ngày trước mỗi lần trả cổ tức.</p> <p><b>Đối với cổ đông đã lưu ký, việc lập danh sách cổ đông và chi trả cổ tức sẽ thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán.</b></p> <p><b>Đối với cổ đông chưa lưu ký,</b> Thông báo về trả cổ tức phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký tất cả cổ đông chậm nhất mười lăm ngày trước khi thực hiện trả cổ tức. Thông báo phải ghi rõ tên Công ty; họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc mã số doanh nghiệp của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại của cổ đông; mức cổ tức đối với từng cổ phần và tổng số cổ tức mà cổ đông đó được nhận, thời điểm và phương thức trả cổ tức; họ, tên, chữ ký của Chủ tịch hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty.</p> |
| <p><b>Điều 28. Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>j) Quyết định số lượng thành viên Hội đồng quản trị</p>   | <p><b>Điều 28. Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>j) Quyết định số lượng thành viên Hội đồng quản trị, <b>thành viên Ban kiểm soát</b></p>   |
| <p><b>Điều 35.</b> Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông</p>   | <p><b>Điều 35.</b> Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.</p>   |

010  
 CÔ  
 CÔ  
 AT  
 TỬ

| Nội dung hiện tại | Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung  |
|-------------------|--|
|                   | Bổ sung thêm:<br>10. Cổ đông được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thuộc một trong các trường hợp sau đây:<br>a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp<br>b. Ủy quyền cho một người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;<br>c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;<br>d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử |

Ủy quyền cho Hội đồng Quản trị: Ban hành sửa đổi, bổ sung Điều lệ và các thủ tục liên quan theo đúng quy định.

**Điều 7.** Thông qua việc lựa chọn công ty kiểm toán thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính năm 2020 trình ĐHĐCĐ phê duyệt: Ủy quyền cho HĐQT lựa chọn công ty kiểm toán thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính năm 2020.

**Điều 8:** Căn cứ đơn xin từ nhiệm thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2016-2021 của ông Phạm Quang Bình, HĐQT kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua miễn nhiệm thành viên HĐQT đối với ông Phạm Quang Bình.

**Điều 9:** Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua **không** bầu bổ sung thành viên HĐQT thay thế thành viên từ nhiệm, số lượng thành viên HĐQT trong thời hạn còn lại của nhiệm kỳ 2016-2021 là 7 thành viên.

**Điều 10.** Thông qua thù lao Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát trình ĐHĐCĐ phê duyệt:

**10.1.** Tổng thù lao Hội đồng quản trị năm 2020 = **2,0%** “x” Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ trên Báo cáo tài chính Hợp nhất năm 2020.

Mức thù lao cụ thể của từng thành viên do Hội đồng quản trị phân bổ căn cứ vào phân công công việc của từng thành viên.

**10.2.** Tổng thù lao Ban kiểm soát năm 2020 = **700.000.000 đồng/năm.**

Mức thù lao cụ thể của từng thành viên do Ban kiểm soát phân bổ căn cứ vào phân công công việc của từng thành viên.

**Điều 11.** Các ông (bà) thành viên HĐQT, Ban Tổng Giám đốc, các cá nhân và bộ phận có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

Nghị quyết có hiệu lực kể từ ngày ký./.

**Nơi nhận:**

- Như điều 11;
- Ban Kiểm soát;
- Lưu VT.



**Lương Minh Tuấn**